

# THỜ MẪU - TÍN NG- ỜNG TRUYỀN THỐNG BẢN ĐỊA VIỆT NAM

ĐẶNG VIỆT BÍCH

Đ- ớc ta vốn đa tôn giáo và có nhiều tôn giáo lớn, song lại không thể chỉ ra đâu là quốc đạo. Có một thời kỳ Phật giáo từng chiếm vị trí độc tôn (triều Lý và triều Trần) nh- ng cũng chỉ kéo dài khoảng ba đến bốn thế kỷ. Từ đời Lê Thánh Tông, triều đình Đại Việt đề cao Nho giáo nh- là hệ t- t- ờng chính thống của v- ơng quốc. Sự hiện diện trong xã hội Việt Nam một cộng đồng Thiên Chúa giáo (khoảng sáu triệu dân) cũng là một điểm độc đáo cần nhắc tới. Nh- ng dù Phật, dù Nho hay Thiên Chúa giáo thì cũng đều có nguồn gốc ngoại lai, đ- ọc truyền bá vào n- ớc ta ở những thời kỳ lịch sử khác nhau.

Vậy đâu là tín ng- ờng truyền thống của dân tộc Việt Nam ?

1. Ng- ời Việt Nam có truyền thống thờ nữ thần, đó là hệ quả của một đời sống tâm linh của c- dân lấy sự trồng cấy nông nghiệp, đặc biệt là trồng cấy lúa n- ớc làm cơ sở cho hoạt động kinh tế. Thuỷ tổ quốc mẫu là mẹ Âu Cơ và những nữ thần các giai đoạn khác lần l- ợt là My N- ơng, Man N- ơng và Liễu Hạnh. Ng- ời Việt Nam thoát tiên tôn mẹ Âu Cơ làm *quốc mẫu*. Ngày nay quanh đền Hùng còn có đền thờ mẹ Âu Cơ. Sau Âu Cơ, một ng- ời phụ nữ khác cần đ- ọc nhắc tới là công chúa My N- ơng, con gái Hùng V- ơng thứ m- ời tám, ng- ời đã kết duyên cùng

thần núi Tản Viên - Sơn Tinh. Sơn Tinh cùng Thuỷ Tinh là hai ng- ời cùng đến cầu hôn My N- ơng nh- ng Thuỷ Tinh đến muộn nên thua Sơn Tinh. Sơn Tinh là thần núi, Thuỷ Tinh - thần n- ớc. Cả hai đều là thần linh và đều có ý nghĩa biểu t- ợng. Sơn Tinh c- ới My N- ơng, có nghĩa là một đám c- ới của c- dân thờ sơn thần với c- dân thờ nữ thần nông nghiệp - nữ thần *Mẹ Lúa*.

Ng- ời phụ nữ tiếp theo mà chúng ta cần nhắc tới chính là Man N- ơng, ng- ời con gái phục vụ nhà s- Khâu Đà La (s- Đồ - Lê) - từ □n Độ tới n- ớc ta truyền bá đạo Phật. Sự tích Man N- ơng - Khâu Đà La gắn liền với chùa Dâu, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Phật thoại Man N- ơng ngụ ý Phật giáo muốn bám rễ đ- ọc ở Giao Chỉ thì cần kết hợp với tín ng- ờng bản địa thờ nữ thần.

My N- ơng t- ợng ứng với thời Hùng V- ơng, Man N- ơng là thời kỳ đạo Phật vào n- ớc ta, còn bà chúa Liễu Hạnh chính là sự t- ợng ứng với thời kỳ phục h- ng của truyền thống thờ nữ thần của c- dân bản địa ng- ời Việt. Nh- vậy, *truyền thống thờ nữ thần có thể coi nh- hằng số văn hoá của ng- ời Việt*. Nếu biểu diễn trên mô hình, truyền thống này sẽ là mẫu số, còn tử số là Âu Cơ, My N- ơng, Man N- ơng, Liễu Hạnh.

Âu Cơ	My N- ơng	Man N- ơng	Liễu Hạnh
<b>Truyền thống thờ nữ thần của ng- ời Việt</b>			

2. Tại sao hiện t- ợng Mẫu Liễu lại xuất hiện vào cuối thế kỷ XVI mà không xuất hiện tr- ớc hoặc sau đó ?

Hiện t- ợng thờ Mẫu Liễu Hạnh nh- một tín ng- ờng truyền thống bản địa xuất hiện vào nửa

sau thế kỷ XVI hoàn toàn có nguyên do lịch sử của nó và chúng ta có thể giải thích đ- ọc điều này.

Khi n- ớc nhà đã giành đ- ọc nên độc lập thì lần l- ợt Phật giáo và Nho giáo đã chiếm giữ vị trí

quốc giáo (đạo Phật) và hệ t- t- ởng chủ đạo của quốc gia (Nho giáo). Từ thế kỷ X, Phật giáo là quốc đạo. Còn từ thời Lê Thánh Tông, Nho giáo đóng vai trò hệ t- t- ởng r- ởng cột của đất n- ớc. Tuy nhiên giữa Nho và Phật có sự tranh giành, lúc ngấm ngấm lúc công khai trong các triều Lý và Trần. Đến Lê Thánh Tông thì vị trí chủ yếu của Nho giáo chính thức đ- ợc xác lập.

Nho giáo là hệ t- t- ởng chính trị, đạo đức, nhân sinh. Nó phục vụ chính trị, phục vụ cho chế độ phong kiến. Nho giáo thích ứng với chế độ phong kiến trung - ơng tập quyền mạnh. Còn trong dân gian, ng- ời ta vẫn cần đến những thứ tôn giáo, tín ng- ỡng nh- Phật chẳng hạn, dù cho Nho giáo hiện diện mạnh mẽ ở n- ớc ta trong thời kỳ Lê Thánh Tông và những thời kỳ sau.

Tuy nhiên trong thế kỷ XVI tình hình chính trị có những xáo trộn to lớn, dẫn đến sự xuất hiện và phát triển của trào l- u tín ng- ỡng thờ bà chúa Liễu Hạnh. Chế độ phong kiến trung - ơng tập quyền triều Lê, sau khi đạt tới sự phát triển cao độ trong thời Hồng Đức thì trở nên suy yếu, rơi vào tình trạng khủng hoảng trong hai đời vua T- ơng Dục và Uy Mục. Mạc Đăng Dung, danh t- ớng nắm binh quyền đã tìm cách c- ớp ngôi vua Lê, dựng lên triều Mạc (1527). Tuy nhiên không bao lâu sau, triều Mạc lại rơi vào tình trạng khủng hoảng. Năm 1534 một cự thân nhà Lê là Nguyễn Kim phát cờ Lê Trung H- ng, đóng bản doanh ở Thanh Hoá chống lại triều đình ở Thăng Long trong tay họ Mạc. Thiên hạ hình thành thế Nam - Bắc triều (thiên hạ phân đôi). Nhân tâm bị ly tán. Ng- ời thì ủng hộ nhà Mạc, kẻ thì theo nhà Lê Trung H- ng. Sự kiện Mạc c- ớp ngôi Lê phản ánh sự suy yếu của đạo Nho - đạo quân thần: *Thần (bầy tôi) c- ớp ngai vua của Quân (nhà vua)*. Hai triều đình đánh nhau, uy thế của Nho giáo bị suy yếu nghiêm trọng.

Lúc này, tâm thế xã hội bị phân đôi, đ- ợc phản ánh ngay trong *cách hành xử* của nhân vật đ- ợc coi là kẻ trí giả lớn nhất của thời đại lúc ấy

là Trạng Trình - Nguyễn Bình Khiêm. Trạng Trình hay chữ, học giỏi, thi đỗ và làm quan cho nhà Mạc. Nh- ng giữa chừng ông cảm thấy số phận nhà Mạc kém bền vững nên đã cáo quan về h- u, tự nguyện vui thú cùng hoa thơm, trăng thanh, gió mát... cho quên ngày tháng.

Nho giáo là sự khẳng định vai trò tuyệt đối của Thiên Tử (vua) cũng nh- vai trò của nam quyền, phụ quyền. Với đặc tính nh- thế Nho giáo mâu thuẫn với truyền thống tín ng- ỡng bản địa thờ nữ thần, ca ngợi ng- ời mẹ - mẹ đất, mẹ lúa.

Tr- ớc khi hiện t- ợng thờ chúa Liễu Hạnh xuất hiện thì ở n- ớc ta thời trung thế kỷ và tr- ớc đó đã có đạo *Tam phủ*. *Tam phủ* bao gồm *Thiên phủ* (*phủ Giời*) với bà chúa *Th- ơng Thiên*, *Nhạc phủ* (*phủ Rừng Xanh*) với bà chúa *Rừng Xanh* - bà chúa *Th- ơng Ngàn* và *Thủy phủ*, dân gian gọi là *phủ Thoải* (*phủ N- ớc*) với bà chúa Thoải. Các *phủ* ở đây là *những thế giới* khác nhau, theo quan niệm cổ truyền từ rất xa x- a của ng- ời Việt chúng ta. Ng- ời ta cũng sử dụng khái niệm *cõi*, t- ơng đ- ơng với *phủ*; ví dụ: “Trăm năm trong *cõi ng- ời ta*” (Kiều).

*Cõi ng- ời, cõi trần, cõi trần thế, cõi nhân gian, cõi ng- ời ta, cõi nhân thế...* t- ơng đ- ơng với *Nhân phủ* hoặc *Địa phủ* của bà chúa Liễu. *Cõi ng- ời, cõi trần, cõi đời ...* đ- ợc phân biệt khác với *cõi trời* (*Thiên phủ*) hay *cõi tiên* (*Thiên phủ, Nhạc phủ*). Các khái niệm *phủ, cõi, hay cung* đ- ợc sử dụng ngang nhau, nghĩa là *các thế giới*. Tuy nhiên *phủ, cung* có nghĩa hẹp của nó, là cái *phủ*, phân biệt phủ Giây với phủ Tây Hồ chẳng hạn; hay phủ Vân Cát phân biệt với phủ Tiên H- ơng. Nghĩa của *phủ* ở đây hẹp hơn nghĩa các thế giới, nghĩa là công trình kiến trúc tôn giáo, điện thờ.

Sự xuất hiện của *Nhân phủ*, còn đ- ợc gọi là *Địa phủ*, với bà Chúa Liễu Hạnh đã làm hoàn chỉnh cái gọi là *Tứ phủ*:

### Tứ phủ và đối tượng thờ cúng

Phủ	Thờ cúng
Thiên Phủ	Bà chúa Th- ợng Thiên, Cửu trùng Thánh Mẫu, Thiên cung Thánh Mẫu, Cửu thiên Huyền Nữ
Nhạc Phủ	Bà chúa Th- ợng Ngàn, Lâm cung Thánh Mẫu
Thủy Phủ	Bà chúa Thoải, Mẫu Thoải, Thủy cung Thánh Mẫu
Nhân Phủ	Bà chúa Liễu Hạnh, Địa cung Thánh Mẫu

Khái niệm *Tam toà Thánh Mẫu* thuộc phạm trù Tam phủ, khái niệm *Tứ phủ Công Đồng* thuộc phạm trù đạo Tứ phủ.

3. Hiện tượng thờ Bà Chúa Liễu, một mặt phản ánh sự suy yếu của Nho giáo và chế độ phong kiến trung - ợng tập quyền Đại Việt, mặt khác, là sự phản ứng quyết liệt, mạnh mẽ t- t- ợng Nho gia coi trọng nam quyền và phụ quyền, xem khinh vai trò của phụ nữ và ng- ời mẹ.

Nh- ng sự xuất hiện của hiện tượng Mẫu Liễu từ thập kỷ 70 của thế kỷ XVI còn phản ánh một thực tế lịch sử khác không kém phần thú vị mà chúng ta cần hiểu rõ.

Năm 1533 cố đạo Inêkhô (có lẽ là Ignato) ng- ời Bồ Đào Nha (Portugal) đến n- ớc ta truyền giáo, đổ bộ vào vùng Ninh C- ờng, Hải Hậu (nay

vùng này còn nhà thờ Ninh C- ờng, đánh dấu sự đổ bộ của Công giáo nói riêng cũng nh- đạo Thiên Chúa Cơ Đốc nói chung vào n- ớc ta). Sau này còn có nhiều cha cố Tây Âu khác nữa xuất hiện ở n- ớc ta.

Sự xuất hiện và phát triển tín ng- ỡng thờ Mẫu cũng chính là sự phản ứng một cách rất quyết liệt của truyền thống tín ng- ỡng bản địa với xu h- ớng tôn giáo ngoại lai từ Tây ph- ợng tới. Hiện tượng thờ Mẫu Liễu Hạnh phản ánh hai khuynh h- ớng quan trọng chống đối lại những hệ t- t- ợng và tôn giáo ngoại lai: Khổng giáo đến từ Trung Hoa và Công giáo đến từ Tây Âu. Nh- ng nó cũng phản ánh xu h- ớng phủ định vai trò của chính quyền phong kiến trung - ợng tập quyền, vai trò của v- ợng triều. Vấn đề này, đ- ọc khái quát qua bảng sau:

Tôn giáo và t- ợng ngoại lai	Tín ng- ỡng bản địa Việt
1. Khổng giáo đến từ Trung Hoa khẳng định nam quyền, phụ quyền và v- ợng quyền (chính quyền trung - ợng tập quyền, khuynh h- ớng h- ớng tâm).	Đạo Tứ Phủ khẳng định: 1. Vai trò và uy quyền ng- ời đàn bà, ng- ời mẹ. 2. Tín ng- ỡng dân gian (xu h- ớng ly tâm).
2. Thiên chúa giáo đến từ Tây D- ợng (Âu Tây).	

Nh- ng tại sao đạo Tứ Phủ không phát sinh ở Thăng Long hay ở những địa ph- ợng khác nh- xứ Đoài, trấn H- ng Hoá, xứ Kinh Bắc hay trấn Hải Đông?

Điều này có duyên cớ của nó. Vùng Thiên Tr- ợng (Sơn Nam Hạ), cụ thể là vùng Phủ Giầy, Vụ Bản lúc này hội đủ những yếu tố, những nhân

tố để hình thành nên tín ng- ỡng thờ Mẫu. Phủ Giầy nằm không xa biển, cách đây năm thế kỷ còn rất gần biển và cũng không xa Ninh C- ờng. Sự ra đời của nó chính là sự phản ứng lại đạo Thiên Chúa đổ bộ vào Ninh C- ờng và duyên hải Sơn Nam Hạ, mở đầu cho cả một quá trình xâm nhập lâu dài vào Việt Nam. Thiên Chúa giáo cấm

đoán việc thờ cúng tổ tiên. Điều này gây ra những phản cảm với khá đông đảo ng-ời Việt. Khi vào Việt Nam, Thiên Chúa giáo cũng bị khúc xạ ít nhiều. Đã xuất hiện không ít nhà thờ Công giáo thờ Đức Mẹ Maria. Tại vùng Sơn Nam Hạ đã xuất hiện ý t-ởng phản kháng kịch liệt khuy nh h-ớng theo Công giáo ngoại lai và thức tỉnh truyền thống thờ Mẫu cố hữu của dân tộc. Ng-ời Công giáo có Đức Mẹ Maria của họ, thì chúng ta đây, ng-ời Việt cũng có Mẫu của mình. Sự xuất hiện Mẫu Liễu Hạnh ở Sơn Nam Hạ là tất yếu. Tại đây có đủ cả núi non (núi Gôi - Côi Sơn), rừng rú. Chắc chắn tr-ớc đây trên núi có rừng rậm. Nơi đây thuận lợi cho sự hình thành đạo Tứ phủ với đầy đủ *phủ Giời, Nhạc phủ, phủ Thoải* và *Địa phủ*.

Đ-ơng nhiên, trong sự xuất hiện của tín ng-ỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh có vai trò của trí thức, của giới có học. Chính họ là những ng-ời hiểu rõ tâm thế xã hội của thời Lê - Mạc phân tranh. Cũng chính họ chứ không phải ai khác đã từ nguyên mẫu - con gái ông Lê Thái Công - vẽ nên sự tích ly kỳ bà Chúa Liễu Hạnh, ng-ời đ-ợc coi là sống nhiều cuộc đời, có nhiều kiếp, chết đi sống lại nhiều lần, vốn là tiên nữ, công chúa con nhà trời bị đẩy ải xuống trần gian.

Nữ sĩ Đoàn Thị Điểm (1705 - 1748), ng-ời đ-ợc thiên hạ xem là tác giả bản dịch *Chinh phụ ngâm* với nguyên bản Hán văn của Đặng Trần Côn, là ng-ời chép sự tích Liễu Hạnh sớm nhất, trong sách *Truyện kỳ tân phả*.

Tóm tắt sự tích ly kỳ về bà chúa Liễu Hạnh nh- sau:

*Tại làng An Thái, xã Vân Cát, huyện Thiên Bản (nay là huyện Vụ Bản) có ông Lê Thái Công. Năm Thiên Hựu, đời vua Lê Anh Tông (1557) vợ ông Lê Thái Công hoài thai, quá 9 tháng 10 ngày thì mắc bệnh, chữa mãi không khỏi, cũng ch-ả sinh con đ-ợc. Có đạo sĩ đến giúp ông Lê Thái*

*Công nằm mộng, ông đ-ợc lên thiên đình. Công chúa Quỳnh Hoa trên thiên đình bị mắc lỗi, phải đây xuống trần gian.*

*Khi tỉnh dậy, vợ ông vừa sinh đ-ợc một nhi nữ, đ-ợc đặt tên là Giáng Tiên. Cô gái lớn lên xinh đẹp tuyệt vời mà tài cầm, kỳ, thi, hoạ cũng tuyệt vời. Giáng Tiên đ-ợc gả cho Đào Lang, con nuôi nhà Trần Công, bạn của Lê Thái Công. Giáng Tiên sinh đ-ợc hai con thì chết, lúc 21 tuổi. Thiên đình gọi nàng về trời. Nh- ng về trời rồi nàng lại nhớ cõi trần, nhớ chồng, nhớ con nên xin vua trời cho tái hợp hạnh phúc gia đình.*

*Vua trời đồng ý cho nàng xuống hạ giới, nàng thăm chồng con và gia đình chồng, nh- ng không ở lại với chồng con đ-ợc vì là ng-ời trời, ng-ời cõi tiên. Liễu Hạnh hoá phép để bốn cột đàn ông, khi là cô gái đẹp, khi là bà lão. Nàng từng hoạ thơ với trạng Bùng (Phùng Khắc Khoan), một danh sĩ thế kỷ thứ XVI, thời Lê - Mạc phân tranh...*

Chuyện về nàng Giáng Tiên đã xuất hiện từ lâu, tr-ớc khi bà Đoàn Thị Điểm đ-a vào sách *Truyện kỳ tân phả*, nh- ng mới ở dạng thức truyền miệng hay văn học dân gian.

Có thể ông Lê Thái Công là con ng-ời thật và cũng có thể có thật cả cô con gái Giáng Tiên của ông ta. Song cô con gái của ông trở thành *Vân Cát thân nữ*, bà chúa Liễu Hạnh, nhân vật trung tâm của *Nhân phủ* và cũng là hình t-ợng trung tâm của *Tứ phủ* thì đó là hệ quả của một quá trình xây dựng hình t-ợng bà chúa Liễu Hạnh rất công phu và tinh vi của một hoặc một nhóm trí thức nào đó trong vùng Vân Cát, Vụ Bản, Nam Định (tr-ớc đây là trấn Sơn Nam) với chủ ý rõ rệt biến nơi đây thành trung tâm tín ng-ỡng bản địa thờ Mẫu. Và họ đã thành công.

Một số học giả cho rằng sự xuất hiện và phát triển của tín ng-ỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh phù hợp với trào l-u thời đại thời nhà Mạc, khi mà triều

đình khuyến khích sự phát triển của th-ong mại, hòa nhịp với trào l-u phát triển th-ong mại của toàn thế giới lúc bấy giờ - khi nhân loại biết đến những phát kiến địa lý lớn, khi th-ong thuyền Tây D-ong (Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Hà Lan...) tung hoành trên các đại d-ong, kể cả Thái Bình D-ong của chúng ta. Theo họ sự xuất hiện của tín ng-ỡng thờ Mẫu Liễu Hạnh cũng nh- hiện t-ong *Chử Đạo Tổ* (Chử Đồng Tử - Tiên Dung) trên sông Hồng quanh vùng Phố Hiến phù hợp với tâm lý của ng-ời đi buôn, đặc biệt là nữ giới hành nghề buôn bán. □ kiến ấy, có lẽ không sai. Vùng Sơn Nam Hạ vào thời Mạc và thời Lê Trung H-ng cũng đã biết đến một sự phát đạt trong lĩnh vực th-ong mại. Tại đây, vào thời điểm ấy đã xuất hiện một loạt các làng nghề thủ công nức tiếng cũng nh- những làng buôn nổi tiếng. Dân gian đã chấp nối nhiều cuộc đời thành hình t-ong Liễu Hạnh, làm nhân vật này trở nên *ly kỳ hoá*, cốt để hấp dẫn các tín đồ đạo Mẫu, đặc biệt là các bà, các mẹ, các chị.

4. Cụm di tích Phủ Giầy ở xã Kim Thái (tr-ớc là An Thái) đóng vai trò quan trọng trong lễ hội Phủ Giầy từ 1 đến 10 tháng ba âm lịch hàng năm, nhân dịp giỗ Thánh Mẫu Liễu Hạnh.

Ngày 1 tháng ba, dân làng tế lễ kỵ Thánh Mẫu. Mồng 3 tháng ba trở đi là cuộc tế của các quan viên, thay mặt triều đình về để làm lễ quốc tế, với những nghi thức của triều đình.

Mồng 6 có cuộc r-ớc kiệu bát nhang công chúa Liễu Hạnh từ phủ chính lên chùa Gòl rất long trọng, chỉ có các thiếu nữ đồng trinh xiêm y lộng lẫy mới đ-ợc chọn để khiêng kiệu, võng, long đình...

Mồng 7 có hội *kéo chữ* rất độc đáo, diễn lại tích Phùng Thị Ngọc Đài ở Vụ Bản, là một ng-ời đàn bà cực kỳ xinh đẹp, thông minh, tài ba. Chúa Trịnh Tráng c-ới cô ta về làm v-ong phi. Trịnh Thị đã xin với nhà Chúa cho phép dân Vụ Bản khỏi phải đi lao dịch khổ sở ở kinh đô. Theo truyền thuyết thì tr-ớc khi đ-ợc làm v-ong phi, Trịnh Thị đã cầu khẩn Thánh Mẫu. Lễ hội cũng là dịp để ng-ời ta th-ởng thức hát châu văn - đạc sản văn hóa đất Sơn Nam Hạ - cùng hát chèo, hát trống quân, tuồng, hát xẩm, hát ca trù, đấu vật, chọi gà, đánh cờ, kéo co..., nghĩa là tại Phủ Giầy có đủ các môn thể thao, văn nghệ và ng-ời trẩy hội th-ởng thức văn hóa ẩm thực độc đáo, của ngon vật lạ toàn vùng Thiên Tr-ờng. Có thể nói, dù n-ớc ta có vô vàn lễ hội dân gian, song Phủ Giầy - vẫn xứng đáng là lễ hội độc đáo nhất trời Nam. Sánh đ-ợc với nó, có lẽ, chỉ có lễ hội *Nõ N-ờng, Trò Trám* ở Dị Nậu, Tứ Xã, Phú Thọ mà thôi.

Trong lễ hội Phủ Giầy rất nổi tiếng có chuyện *lên đồng*. Song đây chính là sự đặc sắc, nét độc đáo của lễ hội Phủ Giầy cũng nh- của tín ng-ỡng thờ Mẫu. Nếu bỏ nó đi cũng có nghĩa là t-ớc đoạt những gì độc đáo nhất của lễ hội Phủ Giầy. Tuy nhiên không nên lợi dụng tín ng-ỡng Mẫu Liễu để tiến hành mê tín dị đoan thái quá.

Tỉnh Nam Định cần tiến tới xây dựng một dự án phát triển du lịch với một quy mô hoành tráng, biến vùng này thành một trung tâm thu hút khách du lịch vào loại số một ở n-ớc ta. Hơn đâu hết nếu ng-ời ngoại quốc cũng nh- du khách quốc nội muốn tìm hiểu truyền thống tôn giáo bản địa, thuần chất Việt Nam, không đâu bằng đến tìm hiểu, tham quan du lịch nơi đây.